

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 162/2024/HS-ST

Ngày: 03-4-2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trúc Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Thế Cần

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thanh-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 150/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo

1. **Hoàng Quốc B**, sinh năm 2004 tại Đồng Nai; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký thường trú: **tổ G, khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**; Nơi ở: **ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 10/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Con ông **Hoàng Văn Đ**, sinh năm 1979 và bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1984; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất, chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 26/6/2023, chuyển tạm giam theo Lệnh số 1084/LTG ngày 05/7/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B**. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc **Công an thành phố B**.

2. **Thái Minh H**, sinh năm 1979 tại Vĩnh Long; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký thường trú: **Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long**; Nơi ở: **tổ A, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân

tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông **Thái Văn N**, sinh năm 1956 và bà **Trần Thị L**, (Không rõ năm sinh - còn sống); Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; Có vợ là **Nguyễn Thị Ú** – sinh năm: 1984; Có 02 người con sinh các năm 2004 và 2008.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 26/6/2023, chuyển tạm giam theo Lệnh số 1085/LTG ngày 05/7/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B**. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc **Công an thành phố B**.

Bị hại: cháu **Huỳnh Minh T**, sinh ngày 01/10/2009

Cư trú tại thôn 1, xã Lộc Quảng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng

Đại diện hợp pháp của bị hại có bà **Huỳnh Thu H1**, sinh năm 1985

Địa chỉ: tại **thôn A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng**

Trợ giúp viên pháp lý bà **Nguyễn Thị L1** – **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ** bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: **Thái Minh H**, **Hoàng Quốc B** và cháu **Huỳnh Minh T** đều sử dụng ma túy tổng hợp (Hàng đá). Từ ngày (không rõ) đầu tháng 02/2023 đến ngày 26/6/2023, **B** và **H** đã nhiều lần cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Cụ thể:

Lần 1: Khoảng 12 giờ ngày (không rõ) đầu tháng 02/2023, **B** đi đến khu vực **B** rác, thuộc **khu phố C, phường T** gặp người thanh niên tên “Sang Gà” (chưa rõ nhân thân, lai lịch) mua 01 gói ma túy đá giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) rồi **B** mang theo gói ma túy vừa mua nêu trên đến phòng trọ **số A**, nhà trọ không số thuộc **khu phố B, phường T, thành phố B** của **H**. Tại đây **B** rủ **H** cùng sử dụng ma túy thì **H** đồng ý. **H** đã lấy ra 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (nỏ thủy tinh, chai nước gắn ống hút) mà **H** có sẵn từ trước rồi cùng **B** sử dụng hết số ma túy mà **B** đem đến.

Lần 2: Khoảng 17 giờ ngày 26/6/2023, **B** đi đến khu vực **B** rác gặp người thanh niên tên “Sang G” mua 01 gói ma túy đá giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) rồi cất giấu vào túi quần bên trái **B** đang mặc. Sau đó **B** đến phòng trọ của cháu **T** tại **phường H** và chở cháu **T** đến phòng trọ của **H** tại phòng trọ số 1, nhà trọ không số, **khu phố B, phường T, thành phố B** chơi. Tại đây **B** lấy gói ma túy vừa mua nêu trên rồi rủ **H** cùng sử dụng ma túy, **H** đồng ý. **H** lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy nêu trên ra rồi bỏ gói ma túy do **B** đưa vào nỏ. Sau đó **H** dùng bật lửa (hộp quẹt ga) đốt (nấu) rồi cùng với **B** thay nhau sử dụng ma túy. Sau đó, **H** đi qua phòng trọ bạn **H** để uống rượu.

Riêng **B**, ngoài hành vi phạm tội nêu trên, **B** còn có hành vi lợi dụng cháu **T** đang ở độ tuổi chưa thành niên và hạn chế hiểu biết nên **B** đã nhiều lần rủ rê để thực hiện hành vi giao cấu với cháu **T** và tổ chức cho cháu **T** sử dụng trái phép chất ma túy cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng 13 giờ 00 ngày 20/5/2023, **B** đến nhà trọ của **T** tại địa chỉ **tổ A, khu phố T, P. H, thành phố B**. Tại đây, được sự đồng ý của cháu **T**, **B** đã 01 (một) lần thực hiện hành vi giao cấu với cháu **T**.

Lần 2: Vào ngày 26/6/2023: Sau khi **B** và **H** tổ chức sử dụng ma túy xong, khi **H** ra khỏi phòng, chỉ còn **B** và **T**. **B** chốt cửa phòng. Lúc này trong nỏ vẫn còn ma túy, **B** rủ rê cháu **T** cùng sử dụng ma túy chung, **B** và cháu **T** thay nhau sử dụng hết số ma túy còn lại trong nỏ. Sau khi sử dụng ma túy xong, được sự đồng ý của cháu **T**, **B** tiếp tục thực hiện hành vi giao cấu với cháu **T** 01 (một) lần.

Khoảng 19 giờ ngày 26/6/2023, **H** đi về thấy **B** đang nằm bấm điện thoại, còn **T** đang ngồi cạnh **B**. Do mệt nên **H** nằm ngủ bên cạnh **B**. Lúc này **T** thấy **B** đang gọi điện thoại nên **T** đứng dậy để đi ra ngoài thì **B** cầm tay **T** kéo lại. Thấy vậy **T** gạt tay **B** ra và chạy ra đứng chỗ cửa phòng la lên “Bán người” và yêu cầu **B** đưa điện thoại và bóp tiền của **T** lại cho **T**. Sau đó **T** đến **Công an phường T** trình báo sự việc.

Ngày 26-6-2023, **B** và **H** đến **Công an phường T** đầu thú khai nhận việc **B** và **H** cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Quá trình điều tra **Hoàng Quốc B** và **Thái Minh H** khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng thu giữ: 01 (Một) chai nhựa màu trắng, loại 360ml có nắp đậy màu vàng, trên nắp có gắn 01 ống hút nước nhựa màu đỏ - trắng - xanh, 01 nỏ thủy tinh; 01 (Một) bật lửa (hộp quẹt ga) màu xanh lá cây nhãn hiệu BIC và 01 bật lửa (hộp quẹt ga) màu tím nhãn hiệu Hoa Việt là dụng cụ **B**, **H** và **T** dùng để sử dụng ma túy; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Vsmart (đã bị vỡ màn hình) có số Imei: 356765100920717 của **Thái Minh H** không liên quan đến hành vi phạm tội; 01 kẹp tóc bằng nhựa màu trắng; 01 (Một) đôi dép nữ màu trắng nhãn hiệu NP do **Thái Minh H** giao nộp, là đồ vật của **Huỳnh Minh T** để lại phòng của **H** không liên quan đến hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra đã trả lại cho **T** quản lý; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu hồng, có số Imei: 355839085607358 và 01 (Một) vòng đeo tay hạt màu đen gắn kèm kim loại màu vàng của **Hoàng Quốc B** không liên quan đến hành vi phạm tội.

Tại bản Kết luận giám định số 1353/KL-KTHS ngày 03/7/2023 của **Phòng K Công an tỉnh Đ** đã kết luận: Mẫu chất màu trắng bám dính trong nỏ thủy tinh được

niêm phong gửi đến giám định là Ma túy, loại: Methamphetamine.

Tại bản kết luận giám định xâm hại tình dục ở trẻ em số 0639/KLTDTE-TTPYĐN ngày 28/6/2023 của Trung tâm pháp y **Sở Y** kết luận cháu **Huỳnh Minh T** bị tổn thương như sau:

Màng trinh: Hình hoa khế có lưỡi vị trí 06 giờ, đường kính lỗ lớn lỗ trinh 1,8cm. Màng trinh rách không hoàn toàn vị trí 03 giờ và 09 giờ, bờ mép vết rách không phù nề, không xung huyết, không chảy máu.

Kết quả xét nghiệm: Có tinh trùng trong dịch âm đạo. (Bút lục số: 13-14)

Về trách nhiệm dân sự: Chị **Huỳnh Thu H1** (đại diện theo pháp luật của cháu **Huỳnh Minh T**) yêu cầu bị cáo **Hoàng Quốc B** bồi thường tổn thất tinh thần và các chi phí khác số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Bị cáo **B** chưa bồi thường.

Tại Bản cáo trạng số 755/CT-VKSBH ngày 29/11/2023 và văn bản số 577/CV-VKS ngày 18/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố bị cáo **Hoàng Quốc B** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 255 và tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo **Thái Minh H** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo:

H (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 03 (ba) năm đến 03(ba) năm 06 (sáu) tháng về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”

Xử phạt bị cáo **Thái Minh H** từ 07(bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tuyên:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) chai nhựa màu trắng, loại 360ml có nắp đậy màu vàng, trên nắp có gắn 01 ống hút nước nhựa màu đỏ - trắng - xanh, 01 nỏ thủy tinh; 01 (Một) bật lửa ga màu xanh lá cây nhãn hiệu BIC và 01 bật lửa ga màu tím nhãn hiệu Hoa Việt là dụng cụ các bị can dùng để sử dụng ma túy.

Trả lại đồ vật tài liệu không liên quan đến hành vi phạm tội: 01 (Một) điện thoại di động hiệu Vsmart (đã bị vỡ màn hình) có số Imei: 356765100920717 cho **Thái Minh H**; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu hồng, có số Imei: 355839085607358 và 01 (Một) vòng đeo tay hạt màu đen gắn kèm kim loại màu vàng cho **Hoàng Quốc B**.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Bà **Nguyễn Thị L1** – **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ** bảo vệ quyền và lợi ích cho bị hại trình bày: đồng ý với bản cáo trạng và bản luận tội của Viện kiểm sát về tội danh của bị cáo. Tuy nhiên, về hình phạt đối với bị cáo **B** đối với hành vi giao cầu đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa đề nghị từ 03 (ba) năm đến 03(ba) năm 06 (sáu) tháng về tội “Giao cầu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” là chưa tương xứng với tính chất phạm tội của bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng trong hồ sơ vụ án:* Cơ quan điều tra **Công an thành phố B**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Tại phiên tòa và quá trình điều tra bị cáo đã khai vào ngày không rõ đầu tháng 2/2023 và ngày 26/6/2023, tại phòng trọ **số A**, nhà trọ không số, **khu phố B, phường T, thành phố B**, các bị cáo **Hoàng Quốc B** và **Thái Minh H** đã 02 lần cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Riêng bị cáo **Hoàng Quốc B** có hành vi 01 lần tổ chức cho **B** và cháu **Huỳnh Minh T**, sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 26/6/2023. Vào các ngày 20/5/2023 và ngày 26/6/2023, tại phòng trọ **số A**, nhà trọ không số thuộc **khu phố B, phường T, thành phố B** và nhà trọ tại địa chỉ **1, khu phố T, phường H, thành phố B**, lợi dụng sự hạn chế hiểu biết của cháu **Huỳnh Minh T**, sinh ngày 01/10/2009, bị cáo **Hoàng Quốc B** đã 02 (hai) lần thực hiện hành vi giao cầu với cháu **T** khi **T** dưới 16 tuổi.

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo cùng các chứng cứ khác, **V** kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố bị cáo **Hoàng Quốc B** về tội: “Giao cầu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”, quy định tại khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tòa án đã trả hồ sơ cho Viện kiểm

sát để điều tra bổ sung vì có dấu hiệu của tội hiếp dâm nhưng Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Bị cáo **Thái Minh H** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử kiến nghị Tòa án cấp trên xem xét hành vi của bị cáo **B** có dấu hiệu cấu thành tội danh khác.

[3] Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của bị cáo **B** đã xâm phạm đến sức khỏe, nhân phẩm và danh dự của con người, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo **B** và **H** đã xâm phạm đến việc quản lý độc quyền của nhà nước về chất ma túy. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và để phòng ngừa chung trong xã hội.

Trong vụ án này bị cáo **Hoàng Quốc B** là người rủ rê, cung cấp ma túy, 03 lần thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và 02 thực hiện hành vi giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi do đó bị cáo phải chịu hình phạt cao nhất. Đối với bị cáo **Thái Minh H** là người cung cấp địa điểm, dụng cụ sử dụng ma túy để 02 lần thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, nên bị cáo **H** chịu trách nhiệm hình sự thấp hơn so với bị cáo **B**.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo ra đầu thú và tại phiên tòa bị cáo **B** đã đồng ý bồi thường cho bị hại và gia đình bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo **B**, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt khi lượng hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự,

Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) chai nhựa màu trắng, loại 360ml có nắp đậy màu vàng, trên nắp có gắn 01 ống hút nước nhựa màu đỏ - trắng - xanh, 01 nỏ thủy tinh; 01 (Một) bật lửa ga màu xanh lá cây nhãn hiệu BIC và 01 bật lửa ga màu tím nhãn hiệu Hoa Việt là dụng cụ các bị cáo dùng để sử dụng ma túy.

Trả lại 01 (Một) điện thoại di động hiệu Vsmart đã bị vỡ màn hình có số Imei: 356765100920717 cho bị cáo **Thái Minh H**; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu hồng, có số Imei: 355839085607358 và 01 (Một) vòng đeo tay hạt màu đen gắn

kèm kim loại màu vàng cho bị cáo **Hoàng Quốc B** do không liên quan đến hành vi phạm tội

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu các khoản sau: Tiền công của 12 ngày x 400.000 đồng/ ngày = 4.800.000 đồng; tiền chi phí giám định là 3.470.000 đồng; tiền khám tại **bệnh viện T1** là 700.000 đồng; tiền chi phí đi lại 1.200.000 đồng. Tổng cộng 10.170.000 đồng. Bị cáo **Hoàng Quốc B** đồng ý bồi thường.

Đối với số tiền tổn thất tinh thần tại phiên tòa bị cáo, bị hại và đại diện hợp pháp người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật. Đối với yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần, bị cáo đã có hành vi xâm phạm sức khỏe của bị hại, ảnh hưởng đến tâm sinh lý phát triển thể chất của bị hại. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 590 Bộ luật dân sự quy định: “*Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có sức khỏe bị xâm phạm không quá năm mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định*”, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị hại, buộc bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần 20 lần x lương cơ sở do Nhà nước quy định là 1.800.000đ (lương cơ bản áp dụng từ 01/7/2023) = 36.000.000 đồng. Từ những phân tích nêu trên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại số tiền 10.170.000 đồng và 36.000.000 đồng. Tổng cộng 46.170.000 đồng.

[5]*Về vấn đề khác:* Đối với đối tượng **S** Gà chưa rõ nhân thân, lai lịch bán ma túy cho **B**, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh xử lý sau. Nên không xét

Đối với **Huỳnh Minh T** có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy: Do **T** chưa đủ tuổi bị xử phạt hành chính nên không xử phạt. Nên không xem xét.

[6]*Án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo **B** phải chịu án phí DSST là 2.308.500 đồng.

[7] Đối với phần trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định về việc giải quyết vụ án.

Đối với phần trình bày của luật sư bảo vệ cho bị hại Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a, c khoản 2 Điều 255 và điểm a khoản 2 Điều 145 của Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017

Tuyên bố: Bị cáo **Hoàng Quốc B** phạm tội: ***“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”*** và tội: ***“Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”***.

Căn cứ vào điểm a, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố: Bị cáo **Thái Minh H** phạm tội: ***“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”***.

Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 55; Điều 58 cho các bị cáo **Hoàng Quốc B** và bị cáo **Thái Minh H**. Riêng bị cáo **Hoàng Quốc B** áp dụng thêm điểm a khoản 2 Điều 145 của Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Xử phạt: bị cáo **Hoàng Quốc B** 07 (bảy) năm 06 (**S1**) tháng tù về tội: ***“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”*** và 03(ba) năm tù về tội: ***“Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”***. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là **10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 26/6/2023.

Xử phạt: bị cáo **Thái Minh H** 07 (bảy) năm 06 (**S1**) tháng tù về tội: ***“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”*** Thời hạn tù tính từ ngày 26/6/2023.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) gói niêm phong số 1353 ngày 03/7/2023 của **Phòng K Công an tỉnh Đ**; 01 (một) quẹt ga có chữ BIC và 01 quẹt ga có chữ Hoa Việt; 01 nỏ thủy tinh, 01 (một) chai nhựa màu trắng, loại 360ml có nắp đậy màu vàng, trên nắp có gắn 01 ống hút nước nhựa màu đỏ - trắng – xanh

Trả lại 01 (một) điện thoại di động hiệu Vsmart đã bị vỡ màn hình có số Imei: 356765100920717 cho bị cáo **Thái Minh H**; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu hồng, có số Imei: 355839085607358 và 01 (một) vòng đeo tay hạt màu đen gắn kèm kim loại màu vàng cho bị cáo **Hoàng Quốc B**. (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa).

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; 585; 590 Bộ luật Dân sự năm 2015; Buộc bị cáo **Hoàng Quốc B** phải bồi thường cho cháu **Huỳnh Minh T** (người

đại diện hợp pháp là bà **Huỳnh Thu H1**) số tiền 46.170.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu, một trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí HSST: Bị cáo **Hoàng Quốc B** và **Thái Minh H** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo **Hoàng Quốc B** phải chịu án phí DSST là 2.308.500 đồng

Bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại, ĐDHP bị hại (03)
- VKSND Tp.Biên Hòa (01);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (01);
- Công an Tp.Biên Hòa (01);
- Cơ quan Thi hành án (01);
- Tòa án tỉnh Đồng Nai (01);
- Sở tư pháp (01);
- Lưu VP-HS (04).

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trúc Thiện

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN
DÂN – THẨM PHÁN – CHỦ
TỌA PHIÊN TÒA

